

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 07-02-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn K (P), sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số XX, đường T, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện Ch, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Tôn Nữ Mỹ T; có vợ và 01 con; tiền án: Tại bản án số 220/2011/HSST ngày 30/9/2011, của TAND thị xã D, tỉnh Bình Dương áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành hình phạt tại trại giam A, tỉnh Bình Dương, đến ngày 13/9/2012 ra trại, đã nộp xong án phí ngày 02/3/2012, chưa được xóa án tích do chưa đủ thời hạn luật định. Tại bản án số 49/2014/HSST ngày 08/4/2014, của TAND quận B, Tp.HCM áp dụng

điểm d, khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành hình phạt tại trại giam C, Bộ Công an đến ngày 29/8/2017 ra trại, đã nộp xong án phí, chưa được xóa án tích do chưa đủ thời hạn luật định; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/1994, bị Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” đã được xóa án tích. Ngày 21/10/1996, bị Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản công dân”, đã được xóa án tích. Ngày 11/8/1999 bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam ngày 14/9/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Mã Sơn Bích N, sinh năm 1990, nơi cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 14/9/2017, tại khu vực Ấp B, xã AT, huyện T, Nguyễn Tuấn K đi bộ quan sát phát hiện xe mô tô Wave màu trắng, bạc, đen biển số 70L1-xxx.xx của chị Mã Sơn Bích N, sinh năm 1990, ngụ Ấp A, xã H, huyện T dựng cặp lề đường. K đến dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa nổ máy định chạy thì chị N phát hiện, tri hô và nắm giữ ba ga phía sau xe. K liền tăng ga bỏ chạy, kéo lê chị N khoảng 120 mét thì chị N kiệt sức nên buông tay. K chạy xe đến khu vực Ấp S, xã AT, huyện T thì bị bắt quả tang. Chị N bị xây sát da ở các vùng chân, tay, hông.

Tại Kết luận định giá tài sản số 105 ngày 15/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: 01 xe mô tô, loại Wave, nhãn hiệu Honda, màu sơn: trắng, bạc, đen biển số 70L1-xxx.xx có giá trị 9.900.000 đồng.

Chị N đã nhận lại xe mô tô biển số 70L1-xxx.xx và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị N có đơn từ chối giám định và không yêu cầu xử lý đối với thương tích do bị cáo K gây ra trong quá trình lấy xe bỏ chạy.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 75/QĐ-KSĐT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn K về tội

“Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K (P) phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K (P) từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 18 giờ 10 phút ngày 14/9/2017, tại khu vực Ấp B, xã AT, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Tuấn K đã công khai thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô Wave màu trắng, bạc, đen biển số 70L1-227.15 có giá trị 9.900.000 đồng của chị Mã Sơn Bích N và nhanh chóng tẩu thoát, thì bị bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Do đó, đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Tuấn K (P) phạm tội Cướp giật tài sản theo Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Bị cáo có 02 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Xét thấy, Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo K với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Xét mức đề nghị xử phạt tù của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt có cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo có 03 án tích về hành vi chiếm đoạt tài sản đã được xóa án nên bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản chi phí nào khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Một chìa khóa xe mô tô có ghi chữ “Honda” là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K (P) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K (P) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2017.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: Một chìa khóa xe mô tô có ghi chữ “Honda”.

3. Ghi nhận bị hại Mã Sơn Bích N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại N vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường